

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án “Khu tái định cư Phong Điền”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung danh mục chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C trọng điểm thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung danh mục dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thành phố Cần Thơ ban hành tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3063/TTr-SXD ngày 24 tháng 10 năm 2019, Báo cáo thẩm định số 3062/BC-SXD ngày 24 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án “Khu tái định cư Phong Điền”, với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khu tái định cư Phong Điền.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

a) Tạo quỹ nền tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các dự án và phục vụ tái định cư tại chỗ trên địa bàn huyện Phong Điền; đảm bảo xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt, đáp ứng nhu cầu của địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

b) Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai (khu vực bị sạt lở), góp phần ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra; góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường, chỉnh trang đô thị.

c) Tạo quỹ đất để khai thác nguồn thu cho ngân sách.

4. Nội dung và quy mô xây dựng:

a) Diện tích khu đất thực hiện dự án: **Khoảng 48.967m²**.

Địa điểm xây dựng: Tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp kinh thủy lợi.

- Phía Nam: giáp đường Nguyễn Văn Cừ.

- Phía Đông: giáp Khu D - Khu di tích lịch sử Lộ Vòng Cung.

- Phía Tây: giáp đất dân.

b) Cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Mật độ (%)
1	Đất ở liền kề (tái định cư 284 nền)	25.809	52,71
2	Đất dịch vụ công cộng	1.239	2,53
3	Đất cây xanh	3.768	7,69
4	Đất mặt nước	51	0,10
5	Trạm xử lý nước thải	400	0,82
6	Đất giao thông	16.549	33,80
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.152	2,35
Tổng:		48.967	100,0

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Viện Quy hoạch xây dựng.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Kiến trúc sư Huỳnh Thị Uyển Nhã.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích khu đất khoảng **4,89ha** (theo Công văn số 1297/UBND-XDĐT ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh quy mô Khu tái định cư huyện Phong Điền).

9. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình: Dự án nhóm B, công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng chủ yếu: Khu đất thực hiện dự án được đầu tư xây dựng các hạng mục như sau:

11.1. San lấp mặt bằng:

- Cao độ hiện trạng bình quân +1,19m (cao độ quốc gia Hòn Dấu); cao độ san lấp theo thiết kế +2,50m (cao độ quốc gia Hòn Dấu).

- Khối lượng cát san nền toàn khu 58.603,87m³.

11.2. Hệ thống đường giao thông:

Giao thông đối ngoại: Đường Nguyễn Văn Cừ.

Giao thông nội bộ: Đường số 1, đường số 2, đường số 3, đường số 4, đường số 5, đường số 6, đường số 7.

Stt	Tên đường	Giới hạn		Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang (m)			Lộ giới (m)
		Điểm đầu	Điểm cuối		Lề trái	Lòng đường	Lề phải	
I	Giao thông đối ngoại							
1	Đường Nguyễn Văn Cừ							
II	Giao thông nội bộ							
2	Đường số 1	1A	1B	198,6	4	12	4	20
3	Đường số 2	2A	2B	135,3	4	6	4	14
4	Đường số 3	3A	3B	130,7	4	6	2	12
5	Đường số 4	4A	4B	263,8	4	6	4	14
6	Đường số 5	5A	5B	120,1	4	6	4	14
7	Đường số 6	6A	6B	120,1	4	6	4	14
8	Đường số 7	7A	7B	213	4	6	2	12

a) Giải pháp về cao độ, độ dốc:

- Cao độ mép đường: +2,55m (cao độ quốc gia Hòn Dấu);
- Cao độ đỉnh gờ bó vỉa hè: +2,7m (cao độ quốc gia Hòn Dấu);
- Độ dốc ngang mặt đường: $i=2,0\%$;
- Độ dốc dọc mặt đường: $i=0,0\%$;
- Độ dốc ngang vỉa hè: 1,5% (01 mái).

b) Giải pháp kết cấu và các chỉ tiêu kỹ thuật:

- Chỉ tiêu thiết kế:

+ Loại đường : Đường đô thị;

- + Cấp kỹ thuật : 40;
- + Tốc độ thiết kế : 40km/h;
- + Cấp tải trọng : trục xe 10T;
- + Mặt đường : Cấp cao A1;
- + Module đàn hồi yêu cầu : $E_{yc} \geq 120\text{Mpa}$;
- + Cao độ thiết kế mép đường : +2,55m (cao độ quốc gia Hòn Dấu);
- + Cao độ thiết kế gờ bó vỉa : +2,70m (cao độ quốc gia Hòn Dấu).

- Kết cấu áo đường:

- + Lớp mặt đường bê tông nhựa nóng (BTNC 12,5) dày 7cm, $E_{tt} \geq 136,34\text{Mpa}$;
- + Tưới nhựa bảm dính tiêu chuẩn 1kg/m^2 ;
- + Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 17cm, $D_{max}=25\text{mm}$, đầm chặt, $K \geq 0,98$;
- + Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm, $D_{max}=37.5\text{mm}$, đầm chặt, $K \geq 0,98$;
- + Trải vải địa kỹ thuật phân cách (cường độ kéo $\geq 15\text{kN/m}$);
- + Đắp cát dày 50cm lớp trên cùng, đầm chặt $K \geq 0,98$, $E \geq 40\text{Mpa}$;
- + Đắp cát lớp tiếp theo dày 30cm, đầm chặt $K \geq 0,95$.

c) Giải pháp kết cấu vỉa hè:

- Bê tông gờ bó vỉa hè đổ tại chỗ đá 1x2 M250;
- Bê tông gờ chắn lề đổ tại chỗ đá 1x2 M250;
- Vỉa hè lát gạch (gạch Terrazzo 30x30cm);
- Lu lèn lớp đá dăm loại I dày 12cm;
- Lớp cát bù lề đường, vỉa hè;
- Bố trí ram dốc cho người khuyết tật lên xuống vỉa hè thuận tiện;
- Lớp bê tông lót đá 1x2 M150, dày 10cm;
- Lớp cát san lấp đầm chặt $K \geq 0,90$.

11.3. Hệ thống cấp nước - phòng cháy, chữa cháy:

Nguồn nước phục vụ khu quy hoạch đấu nối với đường ống cấp nước hiện hữu (ống gang D400) đi ngang khu quy hoạch được bố trí dọc tuyến đường Nguyễn Văn Cừ giai đoạn 2.

Phương án thiết kế:

- Hình thức bố trí mạng lưới cấp nước là mạng lưới vòng kết hợp mạng lưới phân nhánh. Được bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông chính quanh các khu vực trong khu quy hoạch.

- Mạng lưới cấp nước bao gồm các hệ thống đường ống phục vụ cho các khu. Mỗi hệ thống đều có tuyến ống cấp nước chính có đường kính D160mm (L=548m) và tuyến ống có đường kính D110mm (L=1.543m).

- Ngoài ra, trên mạng cấp nước có bố trí 08 trụ chữa cháy D110 (khoảng cách giữa các trụ không quá 150m). Trụ chữa cháy được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

- Chọn loại ống HDPE cho toàn bộ hệ thống cấp nước khu vực, những đoạn ống băng đường sử dụng ống lồng thép để đảm bảo khả năng chịu lực của ống.

11.4. Hệ thống thoát nước:

a) Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa bố trí phù hợp theo quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt. Nước mưa được thu vào mạng lưới tuyến ống qua các hố thu bố trí 2 bên đường, tự chảy trong hệ thống cống sau đó đầu nối ra 02 cửa xả tại kênh thủy lợi hiện trạng.

- Hình thức thoát nước được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè. Đường kính cống thoát nước D400-D1000, trên từng tuyến ống có đặt những hố ga, khoảng cách hố ga 20m-30m.

- Cống sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn. Đoạn cống trên vỉa hè có tải trọng thiết kế H10, đoạn cống qua đường có tải trọng thiết kế H30.

- Móng gia cố trên nền đất đóng cừ tràm L=4,0m đường kính ngọn \geq 4,2cm, mật độ 16 cây/m², bản đáy hố ga đỡ cống bê tông cốt thép đá 1x2 M250 dày 20cm đặt trên lớp bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm và lớp cát đệm 10cm. Gối cống dùng vật liệu bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn.

- Chiều dài các tuyến :

+ Cống Ø400: 1.717m. + Cửa xả: 02 cái.

+ Cống Ø800: 463m. + Hố ga: 98 cái.

+ Cống Ø1000: 42m.

b) Hệ thống thoát nước sinh hoạt:

- Hệ thống thoát nước sinh hoạt được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước thải từ các điểm xả nước xả vào hệ thống thoát nước. Nước thải tại các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại mới được xả vào hệ thống thoát nước sinh hoạt. Tuyến thu gom nước thải BTCT D300. Sau đó tự chảy về trạm xử lý nước thải đặt ở công viên giáp với đường Nguyễn Văn Cừ bằng cống BTCT D300-400.

- Trên từng tuyến cống có đặt những hố ga tại những vị trí tuyến cống đổi hướng, vị trí chờ đầu nối thoát nước,... khoảng cách hố ga 20m-30m.

Đoạn cống trên vỉa hè sử dụng cống BTCT D300-D400 tải trọng H10.
Đoạn cống qua đường sử dụng cống BTCT D300-D400 tải trọng tính toán H30.

- Móng gia cố trên nền đất đóng cừ tràm $L=4,5\text{m}$ đường kính ngọn $\geq 4,0\text{cm}$, mật độ 25 cây/m², bản đáy hố ga đỡ cống bê tông cốt thép đá 1x2 M250 dày 20cm đặt trên lớp bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm và lớp cát đệm 10cm. Gõi cống dùng vật liệu bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn.

- Chiều dài các tuyến:

+ Ống Ø300: 1.121m.

+ Ống Ø400: 548m.

+ Hố ga: 81 cái.

11.5. Hệ thống chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho hệ thống điện chiếu sáng công cộng được lấy từ nhà trạm biến áp tại chỗ.

- Hệ thống chiếu sáng công cộng xây mới toàn bộ hệ thống lưới cáp ngầm điện chiếu sáng. Chọn đèn LED để chiếu sáng công suất từ 70-120W/220V có hiệu suất quang thông $\geq 100\text{Lm/W}$. Vị trí các trụ đèn được đặt trên vỉa hè tại tâm móng trụ, khoảng cách trung bình giữa các đèn chiếu sáng là 25 - 35m. Trong đó:

+ Trụ đèn sử dụng trụ côn bằng ống sắt mạ kẽm, kiểu tròn, dài từ 6m - 8m, bề dày ống 3,5mm dạng hình trụ côn, đường kính đáy trụ $\phi 191\text{mm}$, đường kính đầu trụ $\phi 60\text{mm}$.

+ Cần đèn loại cần đơn và cần đôi vuông góc làm bằng ống sắt STK $d=60\text{mm}$, dày 3mm, cao 2m độ vươn xa của cần đèn là 1,5m.

+ Móng trụ bằng bê tông M200 có kích thước 600x600x1200. Phần khung móng cốt thép $\phi 24 \times 940$ uốn hình L nằm trong bê tông phần đầu ven răng nhô cao khỏi móng để gắn đai ốc cố định mặt bích với trụ đèn. Tại mỗi vị trí móng trụ được đóng 1 cọc tiếp địa bằng sắt kèm (đồng) $\phi 16$ dài 2,4m nối với thân trụ bằng cáp đồng trần M 11mm².

- Mương cáp ngầm chiếu sáng đi trên vỉa hè có hình thang 500x300x650mm, mương cáp đi cách bó vỉa hè là 0,3m, cáp nguồn được luồn trong ống HDPE $\phi 40/30\text{mm}$ chôn ngầm cách mặt đất (-0.65m).

- Mương cáp ngầm chiếu sáng đi băng đường có dạng hình thang 500x300x850mm, cáp nguồn được luồn trong ống HDPE $\phi 40/30\text{mm}$ và trong ống sắt D70mm chôn ngầm cách mặt đất (-0.75m).

- Chiều dài tuyến chiếu sáng ngầm: 1.467m.

11.6. Hệ thống cấp điện (đường dây và trạm biến áp):

a) Máy biến áp 3 pha 22/0,4KV có nấc điều chỉnh điện áp không tải + 2 x 2,5%. Tổng công suất của máy biến áp có dung lượng 1x1000kVA. Loại trạm một cột trên trụ thép dây 5mm, đặt trên nền bê tông có gia cố chống lún.

b) Đường dây trung áp ngầm loại đường dây 3 pha 04 dây, cấp điện áp 22kV. Dây dẫn sử dụng cáp Cu/XLPE/Sehh/DSTA/PVC 3x50mm² - 24kV. Tuyến trung áp ngầm dài 350m.

c) Đường dây hạ áp ngầm sử dụng cáp đồng bọc chống thấm, cách điện Cu/XLPE/DSTA/PVC có tiết diện phù hợp. Chủng loại đường dây hạ áp ngầm 3 pha 4 dây có trung tính trực tiếp nối đất. Tuyến hạ áp ngầm: 2.314m.

11.7. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Thiết lập hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc trong khu vực, gồm hệ thống thông tin đặt sẵn nối liền thông các trục đường chính, các tủ cáp lắp đặt trên bề mặt đặt sẵn và hệ thống trục cáp chính thông tin liên lạc kéo sẵn cho hệ thống tủ cáp. Móng tủ bằng bê tông có kích thước 400x350x800; tại mỗi tủ lắp sẵn ống nhựa HDPE P40/30 để lắp đặt cáp ngầm đến các hộ đăng ký sử dụng.

- Độ sâu chôn ống luồn cáp phải được chôn sâu từ 0.5-1.0m đi trên hè đường cách bó vỉa hè từ 2-3m. Tại các vị trí tuyến cáp thông tin liên lạc giao cắt với đường giao thông ống luồn cáp phải sử dụng ống thép chịu lực, chôn sâu từ 0,8m đến 1,2m so với mặt đường giao thông.

- Trên tuyến cáp khoảng 40m chiều dài tuyến cáp phải được xây dựng 01 hố ga luồn cáp, hoặc tại các vị trí hướng cáp thay đổi phải đặt 01 hố ga luồn cáp. Hố ga sử dụng loại nắp gang lật có khóa, kích thước hố ga 1000x1000x1000.

- Tuyến thông tin ngầm dài khoảng 1.400m.

11.8. Hệ thống cây xanh:

a) Cây xanh trên vỉa hè sử dụng cây tầm cao, khoảng cách các hố trồng cây là 10m. Cây xanh được bố trí dọc hai bên vỉa hè, tim hố trồng cây nằm tại tim vỉa hè, cây trồng phải cách trụ điện tối thiểu 2m, cách miệng hố ga 2m, cách giao lộ 5m và phải bố trí hố trồng cây theo đường ranh giới giữa hai nhà.

b) Chọn loại cây đại mộc (cây Sao) số lượng 160 cây có chiều cao trung bình 7,0m và đường kính cổ rễ từ 0,1m đến 0,2m.

11.9. Hệ thống xử lý nước thải:

a) Xây dựng trạm xử lý nước thải phân tán, công suất 155 m³/ngày đêm để xử lý nước thải đạt chuẩn cột B QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; nước thải sau khi được xử lý sẽ xả ra kênh rạch theo đúng quy định.

b) Khối lượng rác thải sinh hoạt tính toán khoảng 1,57 tấn/ngày đêm. Chất thải rắn sau khi phân loại đưa về bãi tập kết; chất thải rắn đốt được sẽ được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý chất thải rắn (rác sinh hoạt) Cần Thơ tại huyện Thới Lai để xử lý.

(Đính kèm Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng)

12. Thiết bị công nghệ: Công trình không yêu cầu sử dụng thiết bị công nghệ.



13. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

14. Tổng mức đầu tư: **126.978.426.000 đồng** (Một trăm hai mươi sáu tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

15. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn ngân sách thành phố.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án.

17. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2019 đến năm 2023.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền (chủ đầu tư) tiếp thu ý kiến của các cơ quan tại Báo cáo thẩm định số 3062/BC-SXD ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Sở Xây dựng để triển khai các bước tiếp theo của dự án, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và quy định pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT.UBND TP;
- VP.UBND TP (3D);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT,Phát.
(20033)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Anh Dũng



DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Công trình: Khu tái định cư huyện Phong Điền

(Kèm theo Quyết định số: 2625/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Quy chuẩn, tiêu chuẩn chung áp dụng cho dự án

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy chuẩn
QCXDVN 01:2008/BXD	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch Xây dựng
QCVN 03:2012/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Phân loại, phân cấp công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
QCVN 07:2016/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật
QCVN 08:2009/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình ngầm đô thị.
QCXDVN 10:2014/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng
QCXDVN 09:2013/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả”
TCVN 05 – 2008 /BXD	Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe
TCVN 2737:1995	Tiêu chuẩn “Tải trọng và tác dụng - Tiêu chuẩn thiết kế”
TCVN 5574:2012	Tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế”
TCVN 10304:2014	Tiêu chuẩn “Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế”

Tiêu chuẩn – quy phạm về thiết kế

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
QCVN 41:2012/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ
QCVN 14:2008/BTNMT	Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
TCXDVN 104:2007	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế
TCVN 4054-2005	Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế.
22 TCN 211-06	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế
22 TCN 262-2000	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
TCXDVN 266-2002	Đường và hè phố–Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng
TCVN 7957:2008	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết
TCVN 6772–2002	Chất lượng nước. Nước thải sinh hoạt. Giới hạn ô nhiễm cho phép.
TCVN 7222 – 2002	Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
TCVN 9113:2012	Ống bê tông cốt thép thoát nước
TCVN 6696:2000	Chất thải rắn – Bãi chôn lấp hợp vệ sinh.Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường
22TCN 150-1986	Quy trình thi công & nghiệm thu công tròn BTCT lắp ghép
TCXD 33:2006	Tiêu chuẩn thiết kế đường ống cấp nước
TCXDVN 333:2005	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế
TCN 18-2006	Quy phạm trang bị điện về Quy định chung
TCVN 9250:2012	Tiêu chuẩn quốc gia: Trung tâm dữ liệu – Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông
TCN 68-153:1995	Công, bể cấp và tủ đầu cấp – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9257:2012	Quy hoạch cây xanh dự dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
TCVN 4452: 1987	Kết cấu BT và BTCT lắp ghép cho bó vỉa gốc cây đường phố: Quy phạm thi công và nghiệm thu – TCVN 4452: 1987.

Tiêu chuẩn – quy phạm về thi công và nghiệm thu

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
TCVN 8859:2011	Lớp móng CPDD trong kết cấu áo đường ô tô – Vật liệu, thi công và nghiệm thu
TCVN 4447-87	Công tác đất - Quy trình thi công và nghiệm thu.
TCVN 4452-87	Qui trình thi công và nghiệm thu các kết cấu BT và BTCT lắp ghép.
TCVN 4453-95	Qui trình thi công và nghiệm thu các kết cấu BT và BTCT toàn khối
TCXD 79-1980	Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng
TCVN 8819:2011	Mặt đường bê tông nhựa nóng – Yêu cầu thi công và nghiệm thu.

TCVN 4516-1988	Hoàn thiện mặt bằng xây dựng. Qui phạm thi công và nghiệm thu
TCVN 8861:2011	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng
TCVN 8867:2011	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo độ võng Benkelman

Tiêu chuẩn – quy phạm quản lý thi công và an toàn thi công

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
TCVN 4055-1985	Tổ chức thi công
TCVN 5637-1991	Quản lý chất lượng xây lắp công trình – Nguyên tắc cơ bản.
TCVN 4087-1985	Sử dụng máy xây dựng – Yêu cầu chung.
TCVN 5640-1991	Bàn giao công trình xây dựng – Nguyên tắc cơ bản.
TCVN 5308:1991	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng.
TCVN 4431:1987	Quy phạm an toàn trong công tác xếp dỡ – Yêu cầu chung
TCVN 4086-1985	An toàn điện trong xây dựng.
TCVN 3146-1986	An toàn hàn điện.
TCVN 3254-1989	An toàn cháy trong xây dựng.
TCVN 4244-1986	An toàn thiết bị nâng

- Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan đến kỹ thuật công trình hiện hành./.